TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13- 5- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức

2. Bà Nguyễn Thúy Phượng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp Long H, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Phú T, xã Phú L, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Anh Đ yêu cầu vắng mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Vào năm 2006, anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú L (Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2010, quyển số 01/2010, ngày

12/8/2010). Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, H tự ý bỏ nhà ra đi từ tháng 4/2017 cho đến nay, không tới lui hàn gắn. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Bùi Thị Bảo Tr, sinh ngày 07/6/2006 do anh đang nuôi dưỡng, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Tài sản chung không có. Nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh anh Bùi Văn D (anh ruột của anh Bùi Văn Đ) cho biết: Vợ chồng Đ có đám cưới năm 2006, chung sống có 01 đứa con chung tên Bùi Thị Bảo Tr. Vợ chồng Đ đi làm ở Bình Dương và xảy ra mâu thuẫn, H quen với người đàn ông khác và bỏ đi, ly thân từ năm 2017 đến nay, con chung do Đ đang nuôi dưỡng.

Tòa án tiến hành xác minh anh Nguyễn Văn L (anh ruột của chị Nguyễn Thị H) cho biết: Vợ chồng Hiền đi Bình Dương làm công nhân lúc cháu Bùi Thị Bảo Tr học lớp 4, sau đó không biết mâu thuẫn gì mà đã không còn chung sống với nhau nữa, vợ chồng H và Đ chỉ có 01 đứa con chung là Bùi Thị Bảo Tr do anh Đ nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay. Việc anh Đ ly hôn với H, anh không có ý kiến.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân anh Đ, chị H có đăng ký kết hôn theo quy định Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H bỏ đi từ năm 2017 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, nên anh Đ yêu cầu xin ly hôn, cho thấy hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H. Về con chung: từ khi ly thân đến nay con chung tên

Bùi Thị Bảo Tr, sinh ngày 07/6/2006 do anh Đ nuôi dưỡng, được chăm sóc, giáo dục, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định của cháu, cần giao cháu cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chia tài sản và nợ chung không có, không xem xét; về án phí, anh Đ phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã Phú Long, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*"* là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] *Về nội dung:*

[3.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Đ, chị H được xác lập trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng nếu muốn có được hạnh phúc dài lâu và đạt được mục đích thì vợ chồng phải bình đẳng với nhau về quyền và nghĩa vụ, phải biết thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng anh chị không làm được đều đó, trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập chị Nguyễn Thị H để tham gia hòa giải 02 lần và trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị đều không đến, thời gian ly thân của anh chị kéo dài, tại bản tự khai anh Đ thể hiện cương quyết yêu cầu ly hôn, nên có căn cứ xác định anh chị không còn quan tâm đối với mối quan hệ hôn nhân này, nếu tiếp tục duy trì thì sẽ không đảm bảo hạnh phúc, nên cần chấp nhận cho anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:*

Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Thị Bảo Tr, sinh ngày 07/6/2006 do anh Đ đang nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay và anh

yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Cháu Tr hiện đang sống chung anh Đ, được anh và gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, phát triển ổn định và cháu Tr có nguyện vọng được tiếp tục sống với anh Đ. Để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần tiếp tục giao cháu Tr cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng cho con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh Đ xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* anh Bùi Văn Đ phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn Đ.

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Bảo Tr, sinh ngày 07/6/2006 cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi dạy đến thành niên và tự lập được, chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh Bùi Văn Đ xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001942 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Long;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị nhung